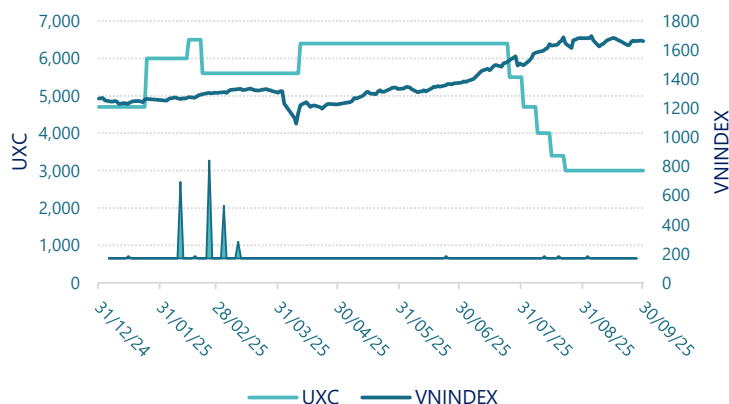


CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi (UPCOM: UXC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,000
SL cổ phiếu LH	35,399,968
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	106
P/E	-2.7
EPS	-1,101

DT thuần

Q3/25

98.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.1| -15.5%

YoY: ▼176| -64.0%

LN sau thuế

Q3/25

-7.92

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.82| -980%

YoY: ▲7.58| 48.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

0.3%

+/- YoY: ▲2.5%

DT thuần

9T 2025

287

tỷ VNĐ

YoY: ▼228| -44.2%

LN sau thuế

9T 2025

-15.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.40| -9.6%

ROE

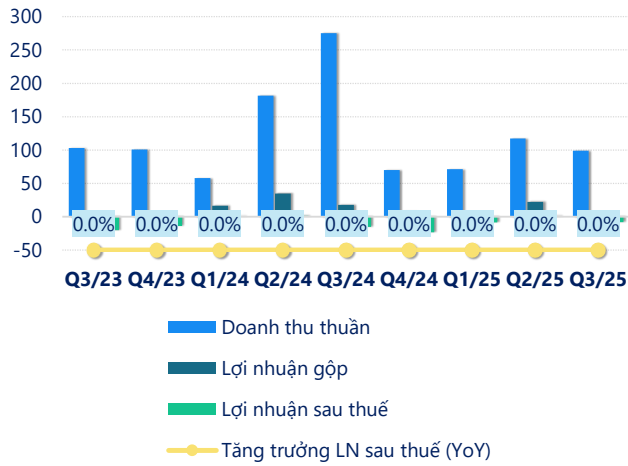
Q3/25

46.1%

+/- YoY: ▼9.3%

tỷ VNĐ

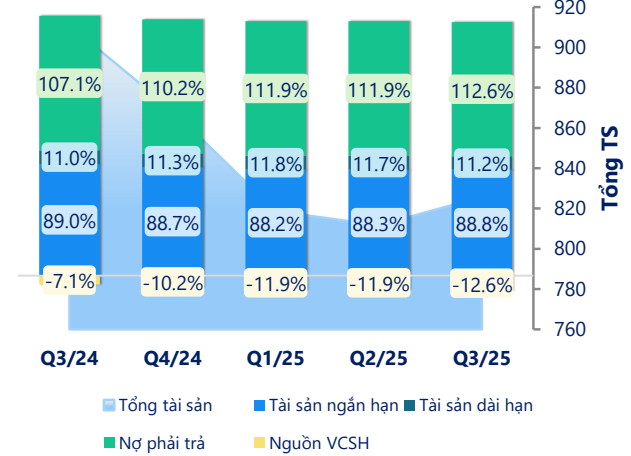
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

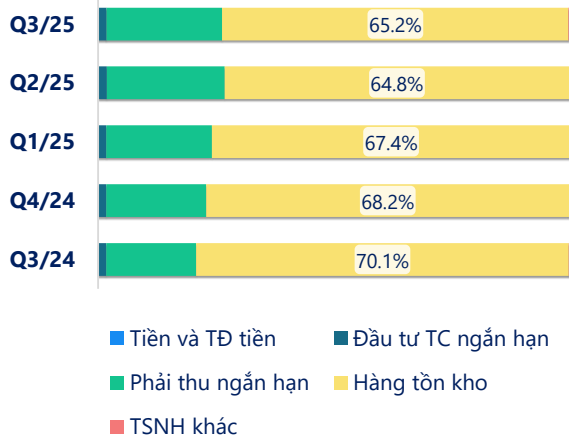
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



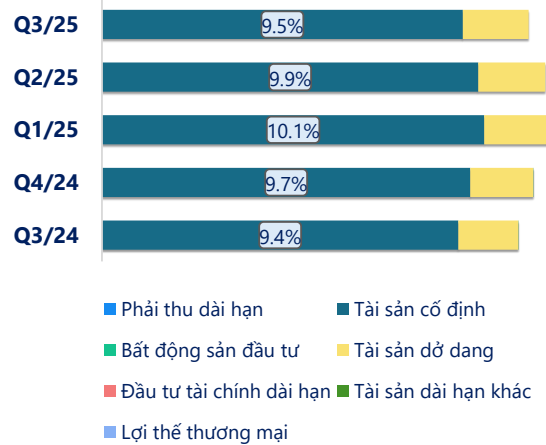
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

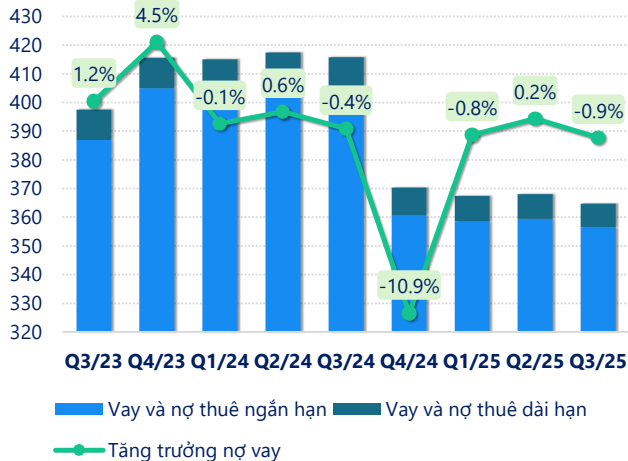
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

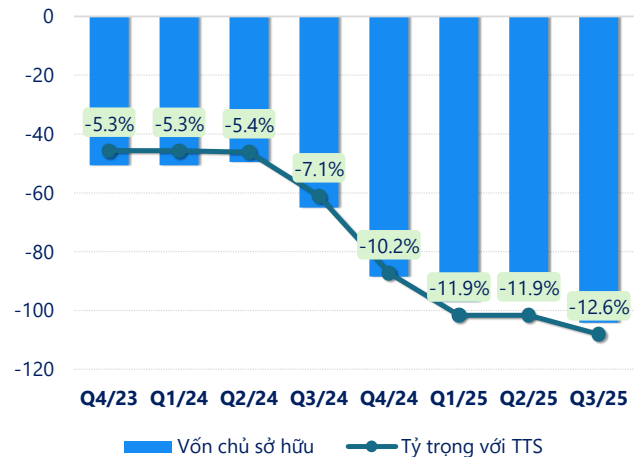
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

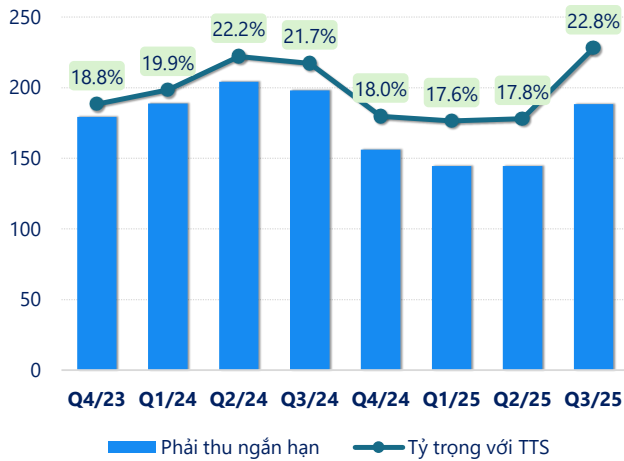
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



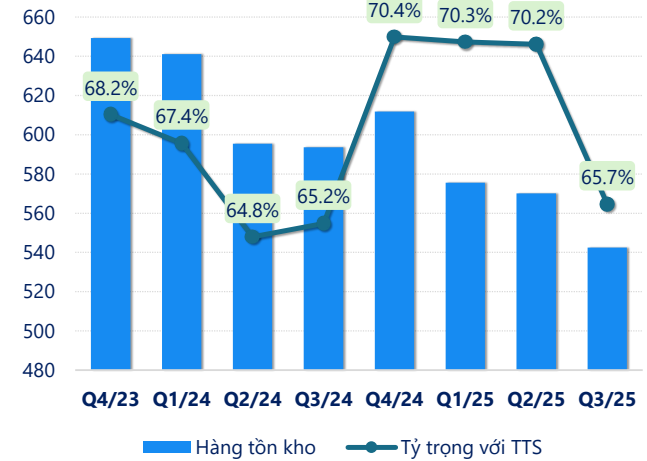
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


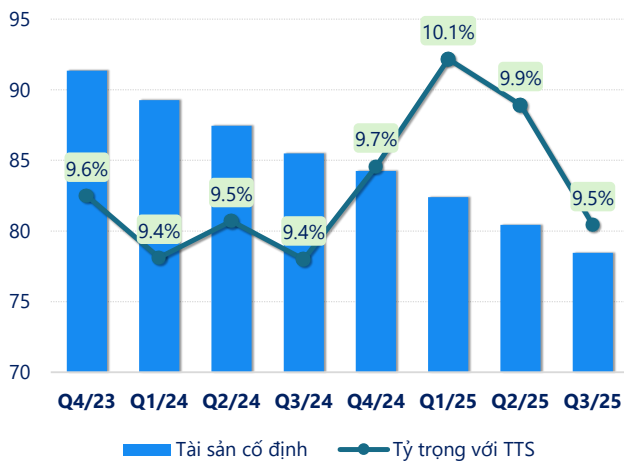
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


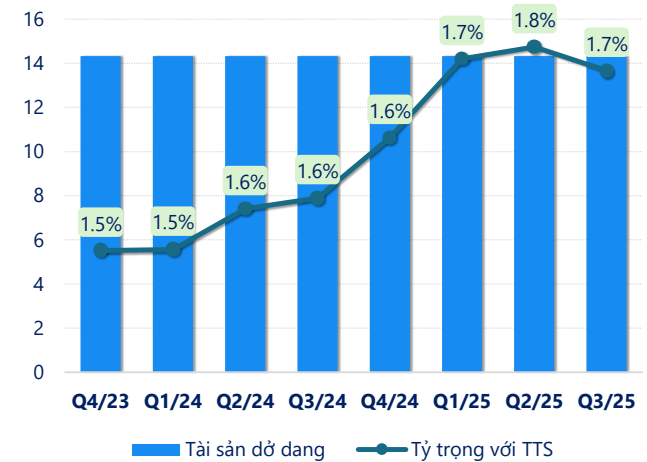
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

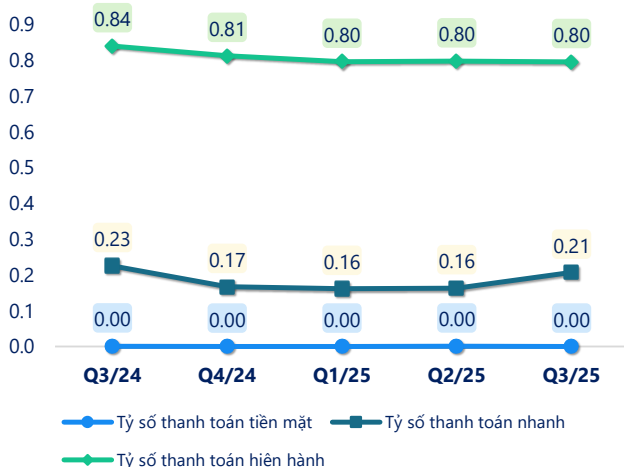
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

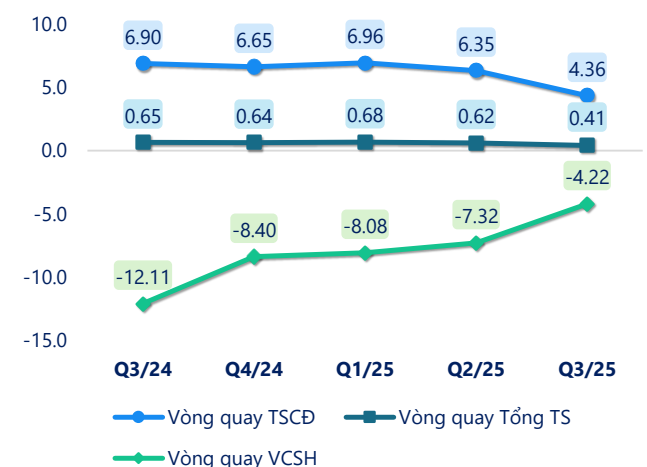
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	911	869	819	812	826
Tài sản ngắn hạn	811	770	722	717	733
Tiền và tương đương tiền	0.56	0.06	0.16	0.44	0.18
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.5	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	198	156	144	145	188
Hàng tồn kho	594	612	575	570	543
Tài sản ngắn hạn khác	4.69	2.08	1.86	1.95	2.02
Tài sản dài hạn	99.8	98.6	96.7	94.7	92.8
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	85.5	84.3	82.4	80.4	78.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	14.3	14.3	14.3	14.3	14.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.01	0.00	0.00	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	976	957	916	908	930
Nợ ngắn hạn	966	948	907	899	922
Vay và nợ thuê ngắn hạn	406	361	358	359	356
Phải trả người bán ngắn hạn	102	84.5	68.7	64.7	83.9
Nợ dài hạn	9.85	9.48	9.00	8.67	8.34
Vay và nợ thuê dài hạn	9.85	9.48	9.00	8.67	8.34
Nguồn vốn chủ sở hữu	-65.0	-88.5	-97.1	-96.2	-104
Vốn chủ sở hữu	-65.0	-88.5	-97.1	-96.2	-104
Vốn điều lệ	354	354	354	354	354
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)